

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 25/01/2021.

Về “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Kim.

Ông Nguyễn Bá Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28/10/2020 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 947/2020/HNGĐ-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6254/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 11/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 12/01/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1980; HKTT: 214/1, khu phố 2, phường HT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: B.04.03 Khu căn hộ A, phường TH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Quốc B, sinh năm: 1980; HKTT: 214/1, khu phố 2, phường HT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: B.04.03 Khu căn hộ A, phường TH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn T1 - Luật sư Công ty Law thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trịnh Quốc B tự nguyện tiến tới hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 tại Ủy ban nhân dân phường HT, Quận M,

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/5/2008.

Bà T cho rằng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

- Về con chung: Có 03 (ba) con chung là Trịnh Thanh V (sinh ngày 16/9/2010), Trịnh Thanh N (sinh ngày 17/9/2015) và Trịnh Quốc K (sinh ngày 26/4/2017). Bà T xin trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi trẻ 2.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trịnh Quốc B xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc 01 trong 03 con chung; ông sẽ cấp dưỡng nuôi 02 người con còn lại mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 trẻ; ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con đối với con chung mà ông nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 947/2020/HNGĐ-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trịnh Quốc B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường HT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2008 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 03 (ba) con chung tên: Trịnh Thanh V, sinh ngày 16/9/2010; Trịnh Thanh N, sinh ngày 17/9/2015 và Trịnh Quốc K, sinh ngày 26/4/2017 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trịnh Quốc B do bà Nguyễn Thị T chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 22/9/2020, ông Trịnh Quốc B nộp đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm giao cho ông nuôi 01 con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn xác định kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cho ông được trực tiếp nuôi 01 con chung là trẻ Trịnh Thanh N hoặc trẻ Trịnh Quốc K

vì ông có công việc ổn định, mức thu nhập cao, có trình độ sau đại học, có sở hữu nhà đất riêng, có thời gian và điều kiện chăm sóc con. Hiện nay ông vẫn ở cùng nhà với bà T nhưng nếu được nuôi 01 trẻ, ông sẽ đưa con về ở tạm với ông tại căn nhà ông được tặng cho mà ông đang ở với cha của ông và các cô cháu, sau đó ông cũng sẽ xây nhà trên đất Quận M để ở cùng con.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn phát biểu ý kiến: Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, xin được nuôi 01 trong 02 người con chung là trẻ N hoặc trẻ K. Ông B có công việc làm ổn định, có thu nhập cao, ông B làm giờ hành chính nên có thời gian chăm sóc con. Hiện ông B, bà T vẫn sống chung và ông B có công sức trong việc chăm sóc, đưa đón con. Nếu giao cho ông B được nuôi 01 con sẽ tốt hơn giao cho bà T nuôi tất cả 03 con nhằm chia sẻ trách nhiệm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo sửa một phần bản án sơ thẩm, giao cho ông B 01 trong 02 trẻ K hoặc N.

- Nguyên đơn cho biết, bà và các con đã sống bên nhau từ khi các trẻ mới sinh, căn nhà này các trẻ cùng lớn lên. Trẻ K phát triển chậm hơn hai trẻ còn lại. Trẻ V có nguyện vọng muốn ở với mẹ, trẻ N là bé gái cần sự chăm sóc của mẹ vì mẹ hiểu tâm sinh lý của trẻ hơn. Căn nhà nguyên đơn cho rằng được tặng cho cung cấp giấy cho Tòa phúc thẩm để chứng minh có chỗ ở ổn định cho con là nhờ làm thủ tục để giành quyền nuôi con sau khi xét xử sơ thẩm. Hiện tại căn nhà trên gia đình ông B ở với nhiều thế hệ. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của ông B trong thời hạn luật định;

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Về con chung: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm giao trẻ Trịnh Thanh N cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung, hai bên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trịnh Quốc B làm trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo trong thời hạn, phù hợp với các quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

- Về con chung: Trong quá trình xét xử, ông B, bà T đều đưa ra chứng cứ để chứng minh mình mới là người có đủ điều kiện nuôi con tốt hơn. Xét điều

kiện kinh tế ông B, bà T như nhau, cả hai đều hết mực yêu thương con và mong muốn dành sự tốt đẹp nhất cho con. Yêu cầu của ông B muốn xin được nuôi một con chung để chia sẻ trách nhiệm là yêu cầu chính đáng, thể hiện trách nhiệm và sự yêu thương con. Tuy nhiên, từ khi sinh ra, ba trẻ Trịnh Thanh V, Trịnh Thanh N và Trịnh Quốc K đều được sống cùng nhau trong sự yêu thương chăm sóc của cả cha, mẹ chung một mái nhà tại địa chỉ B.04.03 khu căn hộ A, phường TH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. Trẻ Trịnh Thanh V đủ tuổi để lấy ý kiến có nguyện vọng được ở với mẹ và các em. Trẻ Trịnh Thanh N là gái mới hơn 5 tuổi, mẹ là người hiểu biết tâm sinh lý của trẻ nhiều hơn, trẻ Trịnh Quốc K mới hơn 3 tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ. Tại phiên toà, hai bên đều xác nhận bà T là người dành thời gian chăm sóc, đưa đón con nhiều hơn. Ba trẻ đã, đang sống trong môi trường ổn định.

Mặt khác, các trẻ đã sinh ra và lớn lên cùng nhau với sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ mẹ. Khi cha mẹ ly hôn, các trẻ đã thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc toàn thời gian của một trong hai người thì tình cảm gắn kết, đồng cảm san sẻ, yêu thương của anh chị em ruột sẽ phần nào vơi bớt sự bất ổn trong tâm hồn của trẻ nên việc tách riêng giao một trẻ cho ông B trực tiếp nuôi không cho các trẻ ở cùng nhau càng tổn thương nghiêm trọng nhân cách đang hình thành, ảnh hưởng đến tâm tư tình cảm và xáo trộn cuộc sống hiện nay của các trẻ. Nếu chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giao trẻ N cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng thì trẻ N phải xa chị em đến ở một môi trường khác hoàn toàn mới lạ trong khi trẻ đang hình thành nhân cách, tâm sinh lý phát triển cần có mẹ bên cạnh.

Việc giao con cho một trong hai bên trực tiếp nuôi dưỡng không làm mất đi quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà chỉ căn cứ vào tình hình thực tế để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của trẻ chưa thành niên và chỉ là tạm thời. Do đó, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tình hình thực tế, nguyện vọng cũng như quyền lợi của trẻ chưa thành niên để giao 03 trẻ cho bà T nuôi nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của trẻ là có cơ sở nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, tạm thời không thay đổi môi trường sống của các trẻ. Việc cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con có thể được thay đổi khi có yêu cầu.

Ông B được thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được ngăn cản ông B thực hiện quyền này. Việc trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi vì lợi ích trẻ chưa thành niên.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Cấp sơ thẩm tuyên ông B và bà T thuận tình ly hôn là không đúng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình vì đây là vụ án ly hôn, không phải việc thuận tình ly hôn và các đương sự không thoả thuận được toàn bộ vụ án, việc ông B có đồng ý ly hôn hay không vẫn phải được quyết định bằng

bản án của Hội đồng xét xử. Do đó, việc tuyên thuận tình ly hôn nhưng lại tuyên bà T chịu án phí dân sự là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 273, Điều 293, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, khoản 01, Mục I, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trịnh Quốc B.

2. Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 947/2020/HNGĐ-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

2.1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị được ly hôn với ông Trịnh Quốc B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 01/2018 do Ủy ban nhân dân phường HT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2008 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các trẻ Trịnh Thanh V (sinh ngày 16/9/2010), Trịnh Thanh N (sinh ngày 17/9/2015) và Trịnh Quốc K (sinh ngày 26/4/2017). Ghi nhận việc bà T tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trịnh Quốc B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông Bình thực hiện quyền này. Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

Vì lợi ích của trẻ chưa thành niên, một hoặc cả hai đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thủy đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0104914 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự

Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thủy đã nộp đủ án phí.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trịnh Quốc B phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0105052 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B đã nộp đủ án phí.

4. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp